

Bản án số: **06** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 tháng 03 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lệ Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tống Như Hải**;

2. Bà **Vương Thị Thu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vi Thị Năm** - Cán bộ TAND huyện Thanh Ba.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Anh Tú** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 03 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: : Anh **Đỗ Lệnh B**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu 3 xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 6 xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Khu 3 xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(anh B, bà L có mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh **Đỗ Lệnh B** trình bày:**

Anh và chị **Nguyễn Thị H** kết hôn với nhau ngày 20/01/2005, đăng ký tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống chung tại nhà của bố mẹ anh tại khu 3 xã N, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận. Từ khoảng tháng 2 năm 2020 vợ chồng anh mâu thuẫn do có nhiều người đến đòi nợ chị H, khi anh hỏi lý do, vay làm gì thì chị H nói là vay chơi lô

đề, sau đó chị H bỏ nhà đi luôn trong đêm. Gia đình và anh đã động viên chị H quay về nhưng không được. Nay tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là: Đỗ Trung K sinh ngày 01/5/2005 và Đỗ Minh K sinh ngày 02/12/2012, Hai cháu đang sống cùng anh. Nếu vợ chồng ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, Không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng anh có tài sản chung là 02 ô đất tại khu 3 N, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng. Nguồn gốc tài sản là do bố mẹ anh mua cho các con anh. Do các cháu còn nhỏ nên cho vợ chồng anh đứng tên. Đối với nhà xây cấp bốn là của mẹ anh xây cho anh, xây xong làm thủ tục sang tên cho anh. Khi ly hôn anh không yêu cầu phân chia tài sản. Vợ chồng anh có mua 01 bảo hiểm nhân thọ cho cháu K tại PRUDETRE, khi ly hôn ai trực tiếp nuôi cháu K có trách nhiệm đóng tiếp tiền bảo hiểm và được quản lý cho cháu K. Tại phiên tòa anh xin rút yêu cầu đề nghị Tòa án xác định người tiếp tục đóng bảo hiểm và quản lý tiền bảo hiểm cho cháu K.

Vợ chồng anh có nợ chung của bà Phạm Thị L - mẹ anh 93.000.000đ tiền gốc, nợ tiền lãi 6.000.000đ. Khi ly hôn anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh khai vợ chồng anh không có đất nông nghiệp, anh không yêu cầu giải quyết.

Vợ chồng anh không có công sức đóng góp cho gia đình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Chị thừa nhận lời trình bày của anh B là đúng về thời gian kết hôn, con chung, đất nông nghiệp, công sức. Mâu thuẫn vợ chồng là do chị vay nợ riêng mất khả năng thanh toán. Anh B đánh chị do nghi ngờ chị ngoại tình. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 5/2020, Nay anh B xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung như anh B trình bày là đúng. Khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị đồng ý để anh Bình trực tiếp nuôi hai con chung, chị không phải đóng góp nuôi con.

Vợ chồng chị có tài sản chung là 02 ô đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng thuộc khu 3 xã Ninh Dân, 01 nhà xây cấp bốn làm trên đất bố mẹ anh B cho anh B thuộc khu 3 xã N. Giấy tờ nhà đất hiện chị chưa cung cấp được. Khi ly hôn chị yêu cầu chia theo pháp luật. Vợ chồng chị có mua 01 bảo hiểm nhân thọ cho cháu Kiên tại PRUDETRE, khi ly hôn ai trực tiếp nuôi cháu K có trách nhiệm đóng tiếp tiền bảo hiểm và được quản lý cho cháu K. Tại phiên tòa chị rút yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, đóng và quản lý tiền bảo hiểm cho cháu K.

Vợ chồng chị có nợ chung của bà Phạm Thị L - mẹ anh B 93.000.000đ tiền gốc, nợ tiền lãi 6.000.000đ. Khi ly hôn chị yêu cầu hai bên cùng trả nợ. Tại phiên tòa chị đồng ý không yêu cầu Tòa án phân chia người trả nợ cho bà L vì bà L rút yêu cầu và vợ chồng chưa đề nghị phân chia tài sản.

Vợ chồng chị không có đất nông nghiệp, chị không yêu cầu giải quyết.

Vợ chồng chị không có công sức đóng góp cho gia đình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L trình bày:**

Tính đến thời điểm hiện tại vợ chồng Bình Hảo có nợ của bà 93.000.000đ tiền gốc, 6.000.000đ tiền lãi. Không có giấy biên nhận. Khi B H ly hôn, bà yêu cầu hai vợ chồng trả nợ cho bà. Tại phiên tòa bà rút yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết phần công nợ cho bà.

Các tài sản của chị H anh B là 02 ô đất thổ cư thuộc khu 3 xã N là tiền bà bỏ ra mua và cho 2 cháu đứng tên. Đối với nhà xây cấp bốn là của bà xây cho anh B, xây xong bà đã làm thủ tục sang tên cho anh B. Tại phiên tòa bà không có ý kiến gì về tài sản chung của anh B, chị H do hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Cháu Đỗ Trung K và Đỗ Minh K có lời khai trình bày: Khi bố mẹ ly hôn các cháu xin sống cùng anh B.

Quá trình tòa án giải quyết vụ án, sau buổi hòa giải tại tòa án ngày 13/10/2020, chị H không có mặt dù đã được triệu tập. Xác minh tại công an xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái thì ngày 14/10/2020, chị H đã chuyển khẩu đến xóm 6 xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Ngày 05/12/2020, Công an xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ cho biết chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu tại Khu 6 xã N và chưa cắt khẩu đi đâu cả. Xác minh tại UBND xã N: chị H từ khi nhập hộ khẩu về xóm 6 xã N, sinh sống tại nhà bố mẹ chị H là ông bà T - T, chị H đi làm ăn kinh tế nhưng thường xuyên về nhà. Bố mẹ chị H đã nhận các văn bản tố tụng của TAND huyện Thanh Ba nhưng không ký biên bản, từ chối cung cấp số điện thoại của chị H.

Tòa án đã niêm yết yêu cầu chị H cung cấp tài liệu chứng minh có tài sản chung vợ chồng, yêu cầu chị H nộp chi phí thẩm định, định giá tài sản nhưng chị H không cung cấp, không nộp chi phí tố tụng.

Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba có quan điểm: Việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, HĐXX từ khi nhận đơn, thụ lý, hòa giải, đưa vụ án ra xét xử hoàn toàn đúng pháp luật. Quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh B và chị H. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: giao cho anh B trực tiếp nuôi hai con chung là Đỗ Trung K, Đỗ Minh K, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh B. Không giải quyết về tài sản, công nợ trong vụ án này do các đương sự rút yêu cầu đề nghị giải quyết. Về đất nông nghiệp và công sức không đặt ra giải quyết do đương sự đều thừa nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba sau khi nhận được đơn khởi kiện của anh Đỗ Lệnh B đã tiến hành báo gọi các bên đương sự đến trình bày lời khai, công khai chứng

cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Do các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa anh Đỗ Lệnh B và chị Nguyễn Thị H là hôn nhân hợp pháp, được đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc theo anh B khai là đến khoảng tháng 2/2020 thì xảy ra mâu thuẫn do có nhiều người đến đòi nợ chị H, khi anh hỏi lý do, vay làm gì thì chị H nói là vay chơi lô đề, sau đó chị H bỏ nhà đi luôn trong đêm. Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Phía chị H khai vợ chồng mâu thuẫn do chị vay nợ riêng mất khả năng thanh toán. Anh B đánh chị do nghi ngờ chị ngoại tình. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 5/2020. Anh B, chị H nhất trí ly hôn. Từ những nhận định nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định rằng: Mâu thuẫn giữa anh B, chị H đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu thuận tình ly hôn của anh Bình, chị Hảo là chính đáng, phù hợp với quy định tại điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Con chung: Anh Bình, chị Hảo có có hai con chung là Đỗ Trung K sinh ngày 01/5/2005 và Đỗ Minh K sinh ngày 02/12/2012, Hai cháu đang sống cùng anh B. Khi ly hôn anh B, chị H xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh B, chị H thống nhất anh B trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh B. Nguyên vọng của cháu K và K, khi bố mẹ ly hôn xin được sống cùng anh B. Xét thỏa thuận về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh B, chị H là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật cần chấp nhận. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Anh B khai có 02 ô đất tại khu 3 N, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng. Nguồn gốc tài sản là do bố mẹ anh mua cho các con anh. Do các cháu còn nhỏ nên cho vợ chồng anh đứng tên. Đối với nhà xây cấp bốn là của mẹ anh xây cho anh, xây xong làm thủ tục sang tên cho anh. Khi ly hôn anh không yêu cầu phân chia tài sản. Vợ chồng anh có mua 01 bảo hiểm nhân thọ cho cháu K tại PRUDETRE, khi ly hôn ai trực tiếp nuôi cháu K có trách nhiệm đóng tiếp tiền bảo hiểm và được quản lý cho cháu K. Tại phiên tòa anh B xin rút yêu cầu về việc xác định người đóng tiếp bảo hiểm và quản lý số tiền đóng bảo hiểm cho cháu K.

Chị H khai 02 ô đất tại khu 3 N, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng là của vợ chồng; 01 nhà xây cấp bốn làm trên đất bố mẹ anh B cho anh B thuộc khu 3 xã N. Có mua 01 bảo hiểm nhân thọ cho cháu K tại PRUDETRE, khi ly hôn ai trực tiếp nuôi cháu K có trách nhiệm đóng tiếp tiền bảo hiểm và được quản lý cho cháu K. Khi ly hôn chị H đề nghị xem xét giải quyết tài sản chung theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị rút yêu cầu Tòa án phân chia tài

sản chung, đóng và quản lý tiền bảo hiểm cho cháu K. Do anh B, chị H đã rút yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]. Về nợ chung: Anh B, chị H và bà L đều thừa nhận vợ chồng B H có nợ của bà 93.000.000đ tiền gốc, 6.000.000đ tiền lãi. Không có giấy biên nhận. Tại phiên tòa bà L rút yêu cầu đề nghị giải quyết phân chia người trả nợ cho bà; Anh B, chị H không đề nghị giải quyết. Vì thế HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[6]. Về đất nông nghiệp: tại phiên tòa anh B, chị H đều thừa nhận vợ chồng không có đất nông nghiệp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Vì thế HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[7]. Về công sức đóng góp cho hai bên gia đình : Anh B, chị H và bà L đều thừa nhận không có nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[7]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Lệnh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- **Về quan hệ hôn nhân: Xử:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Lệnh B và chị Nguyễn Thị H.

- **Về con chung: Xử** Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đỗ Lệnh B và chị Nguyễn Thị H như sau: Anh Đỗ Lệnh B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Đỗ Trung K sinh ngày 01/5/2005 và Đỗ Minh K sinh ngày 02/12/2012, Hai cháu đang sống cùng anh B. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi chung do anh B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác, khi đương sự có yêu cầu.

- **Về đất nông nghiệp:** Xác nhận anh Đỗ Lệnh B và chị Nguyễn Thị H đều thừa nhận không có.

- **Về công sức đóng góp :** Xác nhận anh Đỗ Lệnh B, chị Nguyễn Thị H và bà Phạm Thị L đều thừa nhận không có.

- **Về án phí:**

Anh Đỗ Lệnh B phải chịu 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia

đình sơ thẩm. Xác nhận anh B đã nộp 300.000.đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2020/0001517 ngày 01/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Anh Đỗ Lệnh B đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh, huyện
- THADS huyện
- UBND xã Ninh Dân
- Các đương sự
- Lưu HS,VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Thanh